

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI**  
**KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021**  
**Khoa: XÂY DỰNG**

| TT                 | Tên học phần                                    | Mã học phần | Hình thức thi | Thời gian thi | Sử dụng tài liệu |            | Loại môn học |
|--------------------|-------------------------------------------------|-------------|---------------|---------------|------------------|------------|--------------|
|                    |                                                 |             |               |               | Được             | Không được |              |
| 2019 CAO ĐẲNG (C1) |                                                 |             |               |               |                  |            |              |
| 1                  | Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)              | 0211002109  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 2                  | Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD) | 0211002104  | Vấn đáp       |               |                  |            |              |
| 3                  | Kết cấu bê tông - cốt thép 2 (KXD)              | 0211001841  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 4                  | Kiến trúc công trình (KXD)                      | 0211002063  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 5                  | Kinh tế xây dựng (KXD)                          | 0211002478  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 2020 CAO ĐẲNG (C1) |                                                 |             |               |               |                  |            |              |
| 1                  | An toàn lao động (KXD)                          | 0211001820  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 2                  | Cơ học xây dựng(KXD,QXD)                        | 0211002065  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 3                  | Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD, QXD)           | 0211002064  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 4                  | Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (KXD)              | 0211002239  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 5                  | Kinh tế vi mô (QXD)                             | 0211002391  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 6                  | Kinh tế vĩ mô (QXD)                             | 0211002569  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 7                  | Nguyên lý thống kê (QXD)                        | 0211002392  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 8                  | Quản lý dự án xây dựng (QXD)                    | 0211001842  | Tiểu luận     |               |                  |            |              |
| 9                  | Trắc địa đại cương (KXD, QXD)                   | 0211002066  | Vấn đáp       |               |                  |            |              |